

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 43 /2021/ST-HNGĐ
Ngày: 30/6/2021
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài N
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Quang P
2. Bà Trần Xuân Đ
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Anh Hùng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 21 ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thị D, sinh năm 1988 - có mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: tổ 3, ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
2. *Bị đơn:* Ông Điều Quốc D, sinh năm 1987 - vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2021, nguyên đơn bà Thị D trình bày:
Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dân tự nguyện chung sống với ông Dũng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Lộc Ninh vào ngày 08/3/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc

sống không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà Dân xin được ly hôn với ông Dũng.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có

Bị đơn ông Điều Quốc D. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà cũng như tại địa phương, nhưng ông Dũng không có ý kiến phản hồi, Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên Tòa:

Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị D

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị D được ly hôn với ông Điều Quốc D
- Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có, nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Thị D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Điều Quốc D. Bà Dân và ông Dũng có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua xác minh bị đơn còn hộ khẩu thường trú tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng ông Dũng không có ý kiến gì. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dũng theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Bà Dân tự nguyện chung sống với ông Dũng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Lộc Ninh vào ngày 08/3/2010.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thì ông Dũng, bà Dân được UBND xã Lộc An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01 vào ngày 08/3/2010 là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Dũng không lên Tòa án nên không tiến hành hòa giải được, về phía bà Dân xác định không còn tình cảm với ông Dũng nên yêu cầu được ly hôn. Theo đơn khởi kiện của bà Dân cũng như tại phiên tòa bà cho rằng vợ chồng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà Dân xin được ly hôn với ông Dũng.

Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà Dân và ông Dũng đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Dân được ly hôn với ông Dũng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có, nên không xem xét

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Dân phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị D.

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thị D được ly hôn với ông Điều Quốc D.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có.

2/ Về án phí:

Buộc bà Thị D phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 019593 ngày 22 tháng 3 năm 2021.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ
- UBND xã Lộc An

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài N

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA